TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 19-6-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tr.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Ẩn;

2. Bà Thạch Thị Hai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Chữ Cần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng H2 Nh – Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2019/TLST-DS ngày 20/02/2019 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-DS ngày 28/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1985; thường trú: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1960; thường trú: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Quốc V, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương (theo giấy ủy quyền ngày 01/3/2019), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thu H1, sinh năm 1957;

3.3. Bà Nguyễn Thu H2, sinh năm 1978;

3.4. Ông Nguyễn Anh T3, sinh năm 1984;

3.5. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1987;

3.6. Ông Nguyễn Tấn Ngh, sinh năm 1989;

3.7. Bà Nguyễn Phương L, sinh năm 1980;

Cùng thường trú tại: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà H1, bà H2, ông T3, ông Ngh, bà L, bà Th1: Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1985; thường trú: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (giấy ủy quyền ngày 11/3/2019).

3.8. Bà Phan Thị Tuyết Nh, sinh năm 1970

3.9. Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1999

3.10. Chị Nguyễn Hiếu Th2, sinh năm 2009.

Người đại diện theo pháp luật của chị Th2: Bà Phan Thị Tuyết Nh, sinh năm 1970, thường trú tại: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, (là mẹ của chị Th2).

Cùng thường trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Bà Nh, anh Tr ủy quyền cho ông Nguyễn Anh T1 (giấy ủy quyền ngày 20/5/2019).

3.11. Ủy ban nhân dân huyện D. Địa chỉ: Khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T1 trình bày:*

Cha của ông T1 là ông Nguyễn Văn H3 chết năm 2014, mẹ là bà Nguyễn Thu H1. Ông H3, bà H1 có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thu H2, ông Nguyễn Anh T3, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Tấn Ngh, bà Nguyễn Phương L và ông là Nguyễn Anh T1. Ngoài ra, Ông H3 còn chung sống với bà Phan Thị Tuyết Nh, có 02 người con chung là anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Hiếu Th2. Sau khi, Ông H3 chết, năm 2017, các anh, em của ông T1 làm thủ tục thừa kế thì phát hiện phần đất diện tích 2.018,3 m^2 thuộc thửa 245, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01091/QSDĐ/QĐ – UB do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 27/7/2004 bị ông Nguyễn Văn T2 (ông T2 là em ruột của Ông H3 và là chú ruột của ông T1) lấn chiếm và cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa thửa 284, 234, 550 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Do vậy, ông T1 khởi kiện yêu cầu ông T2 trả lại diện tích đất 2.018,3 m^2 thuộc thửa 245, tờ bản đồ số 05 theo đo đạc thực tế tại Bản đồ địa chính xã Long T do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D lập ngày 21/9/2018 và yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông T2 tại các thửa: 284, 234, 550, tờ bản đồ số 5.

** Theo đơn phản tố, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và người đại diện ông Trần Quốc V trình bày:*

Phần đất tranh chấp diện tích 2.018,3 m^2, trong đó có 456 m^2 thuộc thửa 284, tờ bản đồ số 5 ông T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/10/2006; 7,4 m^2 thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/10/2006 và 1.554,9 m^2 đất thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/4/2017. Nguồn gốc đất do gia đình ông T2 khai phá từ năm 1979 cho đến nay. Gia đình ông T2 đã trồng cây điều sau đó phá cây điều trồng cây cao su và hiện nay trên phần đất này có 121 cây cao su của gia đình ông T2 trồng từ năm 2015. Năm 2006 thông qua cán bộ địa chính của xã Long T, ông T2 phát hiện phần đất của ông T2 đang quản lý sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho Ông H3 và giữa Ông H3 và ông T2 có trao đổi thỏa thuận miệng là Ông H3 sẽ điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định lại đất của ông T2 nhưng do thời điểm này Ông H3 đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại ngân H2ng, nhưng sau đó Ông H3 lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về vẫn không thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông T2 và đến năm 2014 thì Ông H3 chết, vụ việc để kéo dài cho đến nay. Ông T2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T1, yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện D đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H3 ngày 27/7/2004 tại thửa đất số 245, tờ bản đồ số 5 và yêu cầu công nhận cho ông T2 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 2.018,3 m^2.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu H1, bà Nguyễn Thu H2, ông Nguyễn Anh T3, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Tấn Ngh, bà Nguyễn Phương L, bà Phan Thị Tuyết Nh, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Hiếu Th2 (do bà Nh làm đại diện) ủy quyền cho ông Nguyễn Anh T1: Thống nhất ý kiến của ông T1*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà N là vợ ông T2, bà thống nhất với ý kiến của ông T2 và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện D trình bày:*

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền đất do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát cấp ngày 31/5/1996 cho ông Nguyễn Văn H3 do di dời kho nên không tìm thấy hồ sơ gốc cấp giấy. Tại thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận quyền đất ngày 27/7/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn H3 hình thể và diện tích đất được cấp theo bản đồ chính quy năm 1999 (bản đồ được lập bằng phương pháp ảnh Hàng không, không qua đo đạc thực tế, có độ chính xác không cao) nên có sự chênh lệch diện tích đất thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với diện tích đất sử dụng thực tế và xin xét giải quyết xử vắng mặt cho đến khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và giữ nguyên ý kiến của các bên.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguồn gốc đất diện tích 2.018,3 m^2 tọa lạc tại Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương là do ông T2 và gia đình khai phá quản lý sử dụng, trồng cây điều, cao su trên đất. Nguyên đơn cũng thừa nhận phần đất trên do bị đơn sử dụng. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H3 không đo đạc thực tế. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện D thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ Nguyễn Văn H3 để điều chỉnh, cấp lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N và Ủy ban nhân dân huyện D có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của ông T1 thấy rằng: Theo hồ sơ quản lý đất đai và tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì ông Nguyễn Văn H3 được Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/5/1996 được quyền sử dụng diện tích đất 33.356 m^2 - tại ấp 1^A, 4 xã L, huyện B, tỉnh Sông Bé (cũ). Ngày 05/3/2001, Ông H3 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp ngày 31/5/1996) với diện tích 46.448 m^2 và ngày 27/7/2004, Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền đất cho hộ ông Nguyễn Văn H3 được sử dụng diện tích đất 46.448 m^2 tại ấp 4, xã Long H, huyện D, tỉnh Bình Dương (sau này chia tách huyện và tỉnh, phần đất tranh chấp thuộc xã Long T, huyện D, tỉnh Bình Dương) nhiều hơn diện tích đất mà Ông H3 đã được cấp giấy chứng nhận ngày 31/5/1996 là 13.092 m^2. Qua đo đạc thực tế, theo Bản đồ địa chính xã Long T do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D lập ngày 21/9/2018 và Công văn số 1322 ngày 21/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện D thì phần đất tranh chấp có diện tích 2.018,3 m^2 thuộc thửa số 245 tờ bản đồ số 5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền đất cho hộ ông Nguyễn Văn H3 ngày 27/7/2004 và trong diện tích đất 2.018,3 m^2 có 456 m^2 thuộc thửa 284, tờ bản đồ số 5 đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/10/2006 cho ông Nguyễn Văn T2; 7,4 m^2 thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 5 đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/10/2006 cho ông Nguyễn Văn T2 và 1.554,9 m^2 thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 5 đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

ngày 12/4/2017 cho ông Nguyễn Văn T2. Ông T1 không chứng minh được cha của ông làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2004 diện tích 46.448 m^2 thì diện tích đất tăng 13.092 m^2 (từ 33.356 m^2 lên 46.448 m^2) là do đâu. Tại phiên tòa ông T1 khai: Diện tích đất tăng 13.092 m^2 là do Ông H3 cùng với ông Nguyễn Văn Đen (em ruột của Ông H3 và là chú của ông T1) hùn mua đất của người khác nhưng không nhớ rõ tên, địa chỉ, không có hợp đồng chuyển nhượng. Ông T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh và cũng không phù hợp với tài liệu quản lý đất đai cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông H3. Tại Công văn số 1322, ngày 21/11/2018 Ủy ban nhân dân huyện D xác định: Tại thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận quyền đất cho hộ Nguyễn Văn H3 ngày 27/7/2004 về hình thể và diện tích được cấp theo bản đồ địa chính chính quy năm 1999 (bản đồ được lập bằng phương pháp ảnh Hàng không, không qua đo đạc thực tế có độ chính xác không cao) nên có sự chênh lệch diện tích đất thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với diện tích đất sử dụng thực tế. Lời khai của ông Hồ Văn Nhân, nguyên là cán bộ địa chính xã Long T từ năm 1990 đến năm 2008, cũng xác định: Vào năm 2005, ông có phát hiện phần đất do gia đình ông T2 quản lý sử dụng nhưng lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông H3 là không đúng, ông có yêu cầu Ông H3 nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để Ủy ban nhân dân xã Long T điều chỉnh nhưng Ông H3 không nộp và sau đó ông nghỉ hưu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự không yêu cầu thẩm định, định giá lại tài sản và thống nhất với kết quả đo đạc, thẩm định, định giá tài sản do Tòa án nhân dân huyện D thực hiện. Qua thẩm định thì trên diện tích đất 2.018,3 m^2 có 121 cây cao su do gia đình ông T2 trồng vào năm 2015, không có tài sản nào của gia đình ông T1 trên đất, gia đình ông T1 không quản lý sử dụng phần đất này. Tại Công văn số 93 ngày 26/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã Long T: Xác định thửa đất số 245 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương do ông T2 quản lý sử dụng từ năm 1989 cho đến nay. Tại phiên tòa, ông T1 cũng thừa nhận diện tích đất 2.018,3 m^2 do ông T2 sử dụng trồng cây điều và sau này là trồng cây cao su.

[3] Như vậy có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Việc Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H3 ngày 27/7/2004 với diện tích đất 2.018,3 m^2 tại thửa đất số 245, tờ bản đồ số 5 là không đúng đối tượng, không đúng pháp luật, cần phải được xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để điều chỉnh cấp lại theo quy định của pháp luật: Điều 106 Luật Đất đai, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 11, 15 Bộ luật Dân sự. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật. Về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định đo đạc, định giá tài sản: Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 106, 166, 203 Luật Đất đai

Căn cứ các Điều 11, 15, 163, 164 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 34, 147, 157, 165, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T1 đối với ông Nguyễn Văn T2 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.018,3 m^2 thuộc thửa đất số 245 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn T2 tại các thửa số 234, 284, 550 tờ bản đồ số 5.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T2. Ông Nguyễn Văn T2 được quyền sử dụng diện tích đất 2.018,3 m^2 (trong đó có 456 m^2 thuộc thửa 284, tờ bản đồ số 5 ông Nguyễn Văn T2 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/10/2006; 7,4 m^2 thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 5 ông Nguyễn Văn T2 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/10/2006 và 1.554,9 m^2 thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 5 ông Nguyễn Văn T2 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/4/2017) và sở hữu 121 cây cao su gắn liền với đất tọa lạc tại Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (theo bản đồ địa chính xã Long T do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D lập)

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện D thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01091/QSDĐ/QĐ-UB cấp ngày 27/7/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn H3 để điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Án phí, chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản:

Án phí sơ thẩm ông Nguyễn Anh T1 nộp 4.550.000 đồng được trừ vào 1.250.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0011863 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D và 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0012559 ngày 11/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Ông T1 còn phải nộp tiếp 3.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T2 không phải chịu án phí. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương trả lại cho ông T2 1.200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0026990 ngày 03/5/2019.

Chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản: Ông Nguyễn Anh T1 phải chịu 1.279.000 đồng được trừ vào số tiền ông T1 đã nộp tạm ứng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THA DS tỉnh Bình Dương;
- CC THA DS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, hồ sơ, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thị Hai **Bùi Quang Ẩn** **Nguyễn Thành Tr**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THA DS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thông **V Thị Vui** **Phạm Minh Đồng**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ BẢN VẼ KÈM THEO BẢN ÁN
(Kèm theo Bản án dân sự số 69/2018/DS-ST ngày 19/11/2018).

**** Ghi chú***: Tạm giao cho ông Lưu Kiến Điền được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất có diện tích đất 2.085,7 m^2 thuộc một phần thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp Lê Danh Cát, xã Thanh Tuyền, huyện D, tỉnh Bình Dương cùng toàn bộ tài sản trên đất.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THA DS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng